

Số: /KH-STTTT

Nam Định, ngày tháng 11 năm 2021

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển chính quyền số và đảm bảo**  
**an toàn thông tin mạng trong hoạt động của**  
**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định năm 2022**

Căn cứ Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh về việc phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định năm 2022, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng Kế hoạch phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động trong hoạt động của Sở, như sau:

**PHẦN I**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021**

**I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ.**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ động lồng ghép, cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, điều hành trong việc ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện như: Kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thông tin và truyền thông, Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính; Kế hoạch về cải cách hành chính; Kế hoạch về kiểm soát TTHC; Kế hoạch về rà soát, đánh giá TTHC; Kế hoạch về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật... nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan đảm bảo phục vụ có hiệu quả công việc chuyên môn của Ngành, đẩy mạnh gắn chặt chẽ với cải cách hành chính, từng bước hỗ trợ xây dựng Chính phủ điện tử, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

**II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT.**

Hạ tầng CNTT dùng chung của Sở đã được nâng cấp đáp ứng nhu cầu phục vụ chỉ đạo điều hành được an toàn, thông suốt; cơ quan, đã đầu tư trang thiết bị CNTT, lắp đặt hệ thống mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao; 100% cán bộ, công chức có máy tính kết nối Internet phục vụ công tác chuyên môn.

**III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG.**

Hiện tại, Sở đang sử dụng các ứng dụng hệ thống, phần mềm theo hướng tập trung, tích hợp tại Trung tâm dữ liệu; thường xuyên duy trì kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến người dân, doanh nghiệp giữa nội bộ các cơ quan, đơn vị của tỉnh trên các ứng dụng đã được tinh triển khai: Cổng TTĐT của Sở; Hệ thống phần mềm quản lý và điều hành; Dịch vụ công trực tuyến; Phần mềm Thư điện tử công vụ; Phần mềm Quản lý cán bộ công chức... để phục vụ công việc.

#### **IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU.**

Các CSDL hiện tại của Sở đã triển khai chủ yếu là do trung ương, tỉnh phát triển và triển khai áp dụng như: Cổng TTĐT của Sở; Hệ thống phần mềm quản lý và điều hành; Dịch vụ công trực tuyến; Phần mềm Thư điện tử công vụ; Phần mềm Quản lý cán bộ công chức...

#### **V. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ.**

Các ứng dụng CNTT được triển khai kịp thời, hỗ trợ công tác quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành, lĩnh vực và đặc biệt là phục vụ công tác CCHC, cụ thể:

- Phần mềm văn bản quản lý và điều hành (VNPT-Ioffice), phần mềm Hệ thống thông tin báo cáo, phần mềm đôn đốc nhắc việc của UBND tỉnh, ứng dụng chữ ký số... hệ thống thư điện tử của Chính phủ, của tỉnh được đưa vào sử dụng tại các phòng, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở.

- Trang TTĐT của Sở (tên miền: <http://sotttt.namdinh.gov.vn>) đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là kênh thông tin trên mạng internet, tập hợp và truyền tải trao đổi thông tin trên các lĩnh vực phục vụ công tác chỉ đạo, lãnh đạo của Sở; thường xuyên duy trì có hiệu quả việc cập nhật các tin, bài, thông tin đổi mới, bám sát định hướng tuyên truyền của Đảng và Nhà nước, góp phần vào việc công khai hoá thủ tục hành chính, minh bạch thông tin, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận nhanh với các chủ trương, chính sách mới cũng như thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước.

- Cung cấp 100% thủ tục hành chính (TTHC) mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến (<https://dichvucong.namdinh.gov.vn/>). Bên cạnh đó, khuyến khích, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Phần mềm quản lý cán bộ công chức (tên miền: [qlcb.namdinh.gov.vn](http://qlcb.namdinh.gov.vn)) được triển khai có hiệu quả tại sở, giúp cho việc quản lý công chức, viên chức tại sở hiệu quả, thuận tiện,

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

## **VI. NGUỒN NHÂN LỰC.**

Nguồn nhân lực về công nghệ thông tin của Sở, bao gồm: 05 cán bộ công chức có trình độ chuyên môn đại học, thạc sĩ, tiến sĩ về CNTT; phân công 01 công chức là kỹ sư công nghệ thông tin phụ trách CNTT, quản trị mạng phục vụ công tác chuyên môn của Sở, theo dõi hoạt động của hệ thống mạng, đảm bảo hoạt động ổn định của đường truyền, an toàn, an ninh thông tin; ngoài ra sở còn có 01 đơn vị sự nghiệp triển khai các ứng dụng về công nghệ thông tin của tỉnh, quản lý vận hành trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; 100% cán bộ công chức đều sử dụng thành thạo kỹ năng tin học văn phòng.

## **VII. AN TOÀN THÔNG TIN.**

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống mạng, các máy tính, các phần mềm thuộc các phòng, đơn vị đang quản lý, khai thác sử dụng.

- Thường xuyên tuyên truyền tới cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị chủ động rà soát gỡ bỏ các ứng dụng, mã độc theo khuyến cáo của các đơn vị chuyên trách.

- Sử dụng và quản lý chữ ký số (USB token), dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ, chứng thư số, các giải pháp mã hóa của Ban Cơ yếu Chính phủ theo đúng quy định.

## **VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN.**

Tổng kinh phí đã bố trí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT năm 2021 khoảng 750 triệu đồng.

## **PHẦN II**

### **KẾ HOẠCH NĂM 2022**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH.**

- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005; Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006; Luật An toàn thông tin ngày 11/9/2015;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia; Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5

năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia; Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025"; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030; Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 -2025"; Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025 "; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh về việc Triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

- Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021- 2025. định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh về việc phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của

cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định năm 2022

## **II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT.**

- Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động của ngành Thông tin và Truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý, chỉ đạo, điều hành thông qua môi trường điện tử, tăng cường chữ ký số văn bản, lập hồ sơ điện tử và lưu trữ điện tử; minh bạch thông tin trên môi trường mạng theo quy định; tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính công đảm bảo lộ trình phát triển Chính quyền điện tử.

- Thiết lập môi trường điện tử hiện đại, minh bạch, thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận thông tin, phản ánh kiến nghị, đề xuất ý kiến của cơ quan nhà nước.

- Từng bước xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; đảm bảo kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Duy trì việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cổng dịch vụ công của tỉnh và quốc gia.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng; nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng và phát triển CNTT.

## **III. MỤC TIÊU CỤ THỂ.**

### **1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan.**

- Đảm bảo hạ tầng, thiết bị ổn định, an toàn, bảo mật thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành.

- 100% Hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ cơ quan được thực hiện bằng phương thức điện tử. 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến; trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở đạt 50% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả việc áp dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh trong việc quản lý văn bản đi, đến, tích hợp chữ ký số trên phần mềm, đảm bảo 100% các văn bản quản lý và điều hành của Sở được gửi, nhận văn bản điện tử (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) qua Hệ thống gửi, nhận văn bản điện tử (nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu của tỉnh); thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử hồ sơ công việc của cơ quan; tối thiểu 80% hồ sơ công việc của Sở, được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật) và đăng tải trên trang TTĐT của Sở.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thường xuyên hộp thư điện tử công vụ trong quá trình trao đổi công việc; 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng số.

## **2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.**

- Trang thông tin điện tử của sở cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến của Sở được tích hợp với cổng Dịch vụ công quốc gia ngay khi có quyết định công bố; 100% giao dịch trên Hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh được xác thực điện tử. 100% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, và được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của sở đạt từ 60% trở lên; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

## **3. Bảo đảm an toàn thông tin.**

- Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống: mạng nội bộ, mạng wifi...; cập nhật các phần mềm bản quyền, phần mềm giám sát hệ thống nhằm cảnh báo sớm các sự cố về an toàn thông tin.

- Tăng cường đầu tư hệ thống hạ tầng, kỹ thuật, tường lửa, phần mềm diệt virus, phần mềm bảo mật, các thiết bị, hệ thống sao lưu dữ liệu bảo đảm an toàn thông tin và nghiêm túc thực hiện theo quy định, quy chế về an toàn thông tin.

- Duy trì bố trí máy tính không có kết nối mạng để soạn thảo văn bản mật.

## **4. Hạ tầng kỹ thuật CNTT.**

- Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ: thay thế, sửa chữa máy vi tính để bàn và các thiết bị kết nối internet bị hỏng. Duy trì mạng cáp quang phục vụ hệ thống mạng LAN của Sở.

- Nâng cấp, cập nhật phần mềm cho các máy vi tính đang sử dụng; nâng cấp, mua bản quyền phần mềm diệt virus máy tính; trang bị các giải pháp bảo mật hệ thống nội bộ... nhằm đảm bảo an toàn thông tin cho hoạt động của cơ quan. Nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin mạng của sở để tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm hại, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ cơ quan.

## **IV. NHIỆM VỤ.**

### **1. Hoàn thiện môi trường pháp lý.**

- Tham mưu kịp thời các chương trình, kế hoạch theo hướng dẫn của Bộ TTTT, UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan về CNTT nhằm phát triển và ứng dụng CNTT tại Sở

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về công tác ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Xây dựng và triển khai chiến lược dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

### **2. Phát triển hạ tầng số.**

- Bổ sung đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng, hạ tầng kết nối, hạ tầng an toàn thông tin tại sở để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số theo lộ trình đã được phê duyệt.

- Bổ sung, thay thế máy tính có cấu hình thấp; một số thiết bị thiết yếu phục vụ cho nhu cầu ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý điều hành, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn như: hub, switch, máy tính, máy in, máy fax, máy scan, máy chiếu,... để đảm bảo trang thiết bị hiện đại, đồng bộ và thống nhất. Nâng cấp, cập nhật các phần mềm ứng dụng theo các phiên bản mới.

- Phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng rà soát, đánh giá và triển khai giải pháp nâng cao chất lượng đường truyền nhằm đảm bảo duy trì kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu khai thác của các cơ quan với các đơn vị khác.

### **3. Phát triển các hệ thống nền tảng.**

Tiếp tục duy trì, nâng cấp, mở rộng và phát triển các HTTT nền tảng, cốt lõi theo hướng dùng chung. Tiếp tục duy trì kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến người dân, doanh nghiệp; giữa nội bộ cơ quan, đơn vị của tỉnh để từ đó đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính; từng bước kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu theo quy định với các CSDL quốc gia và Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công .....

### **4. Phát triển dữ liệu.**

Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh.

## **5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ.**

- Tiếp tục sử dụng hệ thống thư điện tử của tỉnh; phần mềm Hệ thống văn bản quản lý và điều hành trong trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước (sử dụng chữ ký số); hệ thống thông tin báo cáo; quản lý cán bộ công chức; các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- Triển khai kết nối liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Duy trì việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên Cổng cung cấp Dịch vụ công trực tuyến.

## **6. Bảo đảm an toàn thông tin.**

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, xây dựng và ban hành các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật An toàn thông tin mạng, Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng hàng năm, Kế hoạch giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính quyền điện tử tỉnh ...; tổ chức thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống mã độc, bảo vệ 100% máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan tại các sở.

- Định kỳ hàng năm cử cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin, CNTT tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

## **7. Phát triển nguồn nhân lực.**

- Chú trọng các chương trình đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, Chính quyền số; về khai thác, sử dụng các HTTT, làm việc trên môi trường mạng, giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Cử cán bộ chủ chốt tham gia chương trình đào tạo, tập huấn về chuyên đổi số, an toàn thông tin... do các cơ quan, đơn vị tổ chức.

- Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số.

## **V. GIẢI PHÁP.**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua việc ứng dụng đa dạng các kênh truyền thông, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ của Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

- Nâng cấp, tích hợp các tiện ích, ứng dụng hỗ trợ tương tác trực tuyến giữa



cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của sở và HTTT cung cấp dịch vụ công.

- Tích cực truyền thông quảng bá Trung tâm Dịch vụ hành chính công, cách thức nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài tỉnh, trên mạng xã hội Facebook, Zalo, Youtube ...

- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính quyền điện tử và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN.**

Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng của sở năm 2022 là: 850 triệu đồng.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

### **1. Phòng Công nghệ thông tin.**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu giúp Lãnh đạo Sở tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến việc thực hiện kế hoạch này; tham mưu thực hiện công tác báo cáo về ứng dụng công nghệ thông tin.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin gắn liền với cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử.

Phối hợp với Thanh tra Sở xây dựng dự toán kinh phí, cân đối và bố trí ngân sách hàng năm thực hiện các chương trình, dự án công nghệ thông tin.

Chủ trì và phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tổ chức đào tạo, tập huấn về công nghệ thông tin.

### **2. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.**

- Triển khai, vận hành các phần mềm ứng dụng cài đặt tại trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Giám sát hệ thống thông tin, thực hiện các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu.

- Phối hợp với Phòng Công nghệ thông tin hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng mới.

### **3. Thanh tra Sở.**

Chủ trì, phối hợp với Phòng Công nghệ thông tin xây dựng dự toán kinh phí cân đối và bố trí ngân sách hàng năm thực hiện các chương trình, dự án công nghệ thông tin.

### **4. Các phòng, đơn vị thuộc Sở.**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung Kế hoạch này. Thường xuyên cung cấp thông tin hoạt động của đơn vị để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở; Khai thác sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin hiện có, nhất là các phần mềm dùng chung để nâng cao hiệu quả công việc; giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống một cửa điện tử đảm bảo đúng quy trình, rút ngắn thời gian, không để xảy ra tình trạng hồ sơ giải quyết quá thời hạn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp./.

***Nơi nhận:***

- Ban Giám đốc;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- BBT Trang TTĐT sở;
- Lưu: VT, CNTT (trungt).

**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Trọng Quế**